

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Số 45 đọc là:

- a. Bốn mươi năm b. Bốn mươi lăm c. Bốn lăm

Câu 2: Số cần điền trong phép tính: $54 < \dots < 56$ là:

- a. 45 b. 57 c. 55

Câu 3: Số còn thiếu trong dãy số: 72, 71,, 69 là:

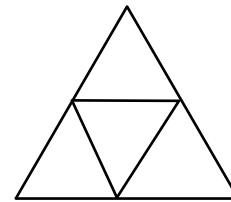
- A. 72 b. 68 c. 70

Câu 4: Số tiếp theo trong dãy số: 20, 30, 40, 50, là:

- A. 51 B. 60 C. 49

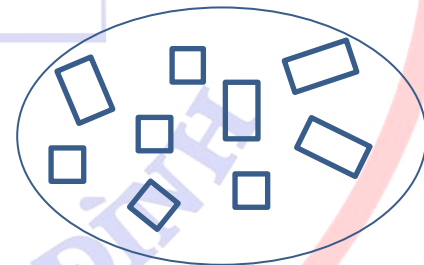
Câu 5: Hình bên có số hình tam giác là:

- A. 3 B. 4 C. 5



Câu 6: So sánh số hình vuông và số hình chữ nhật trong hình bên:

- A. Số hình vuông nhiều hơn số hình chữ nhật
B. Số hình vuông bằng số hình chữ nhật
C. Số hình vuông ít hơn số hình chữ nhật



PHẦN II: TỰ LUẬN

Câu 7: Điền dấu $>$, $<$, $=$:

$10 - 5$ $9 - 5$ 10 $7 + 3$ $5 + 4$ $4 + 5$

Câu 8: Xếp các số sau: 49, 41, 45, 43

- Theo thứ tự từ lớn đến bé:
- Theo thứ tự từ bé đến lớn:

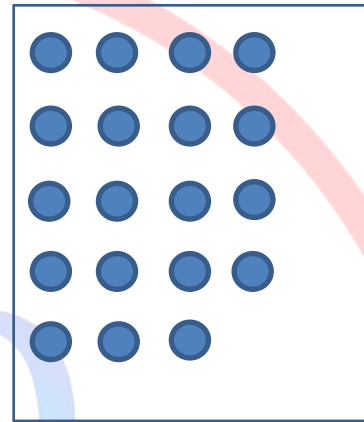
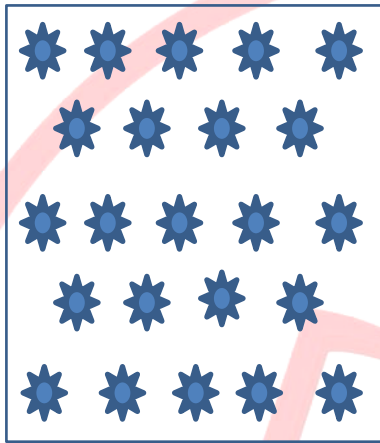
Câu 9: Điền số thích hợp vào ô trống?

$$26 > \square > 24$$

$$65 < \square < 68$$

$$\square + \square = 10$$

Câu 10: Vẽ thêm hình vào ô, sao cho số hình tròn bằng số hình bông hoa?



GIÁO DỤC BA ĐÌNH